

## LỄ CƯỚI CỦA NGƯỜI ĐAO TIỀN Ở BA BỂ, BẮC CẠN

LÝ HÀNH SƠN

Trong phạm vi huyện Ba Bể, Bắc Cạn, người Dao Tiền cư trú rải rác ở 8 xã với dân số khoảng 1.000 người. Tuy vậy, đồng bào vẫn duy trì được nhiều yếu tố văn hoá cổ truyền trong đó có lễ cưới. Nếu xét cả một quá trình, lễ cưới của người Dao Tiền ở Ba Bể có thể chia làm hai lễ lớn là *nải nham* và cưới.

### 1. Nải nham:

Nải nham có thể dịch ra tiếng Việt là hỏi vợ cho con trai. Trước hết, bố mẹ cần ướm chọn người con dâu tương lai và có thể thông qua con trai để nhận biết được những cô gái mà anh ta yêu thích. Cũng có thể ướm chọn theo sự giới thiệu của người khác, nhưng cô gái được ướm chọn cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Khỏe mạnh và đặc biệt là có khả năng sinh đẻ.
- Tuổi tác tương đối cân xứng với tuổi của con trai.
- Biết thêu dệt, chịu khó chăm chỉ trong việc nhà và việc nương rẫy.
- Điều kiện kinh tế của đôi bên gia đình không quá chênh lệch, tức là con trai nhà nghèo thì nên chọn con gái của gia đình có mức sống bình thường, chỉ trong trường hợp gia đình có kinh tế khá, nhiều ruộng nương mới kén chọn con gái các nhà khá giả.

Khi ướm chọn được cô con gái phù hợp theo nguyện vọng, bố mẹ của con trai tiến hành các bước *nải nham*. Bước đầu tiên của quá trình này được gọi là *moảng sét*, tức là xem tử vi của cô gái đã được ướm chọn. Bố và mẹ của con trai, cũng có thể chỉ bố hoặc mẹ cùng với một người họ hàng có uy tín đi đến nhà gái. Thông thường, người ta đến nhà gái vào lúc chiều tối để đảm bảo vừa gặp được bố mẹ của cô gái, vừa có đủ thời gian để tiếp chuyện. Lựa chọn được thời điểm thích hợp, nhà trai tiến hành dò hỏi bố mẹ của cô gái về việc cô gái có phải bận tâm với đám nào không. Nếu nhà gái ưng thuận thì sẽ vui vẻ trả lời nhưng thấy nhà gái thẳng thắn trả lời là đang còn vướng đám khác thì nhà trai không nên tiếp tục các nghi lễ *nải nham* đối với cô gái này nữa mà phải làm lại từ đầu đối với cô gái khác nằm trong mục tiêu đã được ướm chọn. Trường hợp nhà gái ưng thuận, nhà trai cần khéo hỏi về *sét* của cô gái tức là ngày, tháng, năm sinh. Biết được ngày, tháng, năm sinh, nhà trai phải hết sức thận trọng khi trở về nhà. Trên đường đi về, nếu thấy các tình huống như nghe tiếng hoăng kêu, gặp rắn, gặp cây đổ dọc đường hoặc có nhện sa xuống người,... thì coi như đám này

trên thì nhà trai phải nhanh chóng nhờ người thông thạo về tử vi làm lễ so tuổi xem số mệnh của cô gái có hợp với số mệnh của con trai hay không.

Bước hai của quá trình *nải nham* được gọi là *nải phat búa*, nghĩa là hỏi tên được đặt trong lễ cấp sắc của bố đẻ ra cô gái. So tuổi thấy đôi trai gái hợp nhau, nhà trai mang đến nhà gái một con gà và một lít rượu. Sau khi thông báo kết quả so tuổi, nhà trai xin nhà gái cho biết *phat búa* của bố đẻ cô gái. Trường hợp nhà gái đồng ý thì cho biết *phat búa* và thịt con gà để làm lễ xem chân gà và thấy các ngón chân gà cong đều, không ứ đọng máu là tốt, cho phép đôi trai gái kết hôn với nhau. Tuy nhiên, có địa phương, có thể tối hôm đó khi ngủ cả nhà trai và nhà gái đều phải chú ý xem mộng có tốt hay không. Nếu mộng xấu hoặc thấy gà tự nhiên gáy vào giờ giấc không bình thường thì có thể huỷ bỏ không cho đôi trai gái kết hôn nhưng thường người ta chỉ làm lễ cúng giải hạn.

Trong trường hợp thấy mọi sự diễn ra tốt đẹp nhưng đôi trai gái chưa hề quen biết nhau thì nhà gái có thể yêu cầu con trai đến trình diện dưới hình thức làm công trong 3 ngày mà tiếng Dao Tiên gọi là *chầu công*. Trong những ngày *chầu công* con trai phải có một người bạn trai cùng tham dự để hộ tống. Thực chất của tục *chầu công* là để cho đôi trai gái có dịp nhận mặt nhau, đặc biệt là để dò xét ý kiến của cô gái và bố mẹ cô ta ưng thuận con trai hay không. Đồng thời cũng là để con trai làm quen với cô gái, nhất là phong cách sinh hoạt ở bên nhà gái. Khi hết thời hạn làm công, nếu thấy nhà gái biếu quà bánh cho người con trai thì chứng tỏ cô gái và bố mẹ cô ta yêu quý con trai. Thấy không có quà bánh thì lần sau nhà trai khỏi phải đến nhà gái để bàn tiếp các vấn đề cưới xin. Đối với con trai, thấy ưa thích cô gái thì vui lòng nhận quà bánh mang về nhà báo cho bố mẹ tiếp tục các nghi lễ *nải nham*, nếu không thì vừa ra đến gần cửa chính của nhà gái anh ta để lại quà bánh mà nhà gái đã để sẵn trong túi của mình.

Bước tiếp theo của quá trình *nải nham* là lễ *trình công chìn*, tức là đặt vấn đề kết hôn cho đôi trai gái. Nhà trai đưa cho nhà gái từ 5 đến 10 đồng bạc trắng, có nơi đưa 12 đồng. Sau đó, nhà trai và nhà gái tự thoả thuận một cách sơ lược về các lễ vật ăn hỏi chính thức và số lượng các lễ vật dẫn cưới. Tuỳ thuộc vào điều kiện nhân lực lao động trong gia đình nhà gái và khả năng chuẩn bị các lễ vật dẫn cưới của nhà trai, hai bên gia đình có thể thoả thuận cho con trai đến ở rể đời hay ở rể tạm. Trường hợp con trai đến ở rể đời thì không cần các lễ vật ăn hỏi và dẫn cưới, còn ở rể tạm thì tuỳ theo thời gian ở rể dài hay ngắn mà giảm bớt các lễ vật dẫn cưới.

Khi tìm được ngày tốt, người ta tiến hành lễ ăn hỏi chính thức, gọi là *trình tiu*. Nhà trai phải mang đến nhà gái một con lợn nặng 30 kg, 20 lít rượu, nếu vào mùa giáp hạt thì nhà trai cần mang thêm gạo. Trong lễ này, nhà gái chính thức tuyên bố số lượng các khoản thách cưới và đại diện hai

bên gia đình thảo ra một hôn thư mà nhà trai phải đưa sang nhà gái, gồm bạc trắng, thịt, rượu. Hôn thư được chia làm 2 bản, một bản đưa cho nhà trai thực hiện các điều khoản đã cam kết. Như vậy, có thể cho rằng bản chất hôn nhân ở đây là mua bán.

Tiếp theo, nhà trai đến nhà gái đưa khoản thách cưới bằng bạc trắng. Đại diện đôi bên gia đình lấy cân tiểu ly cân bạc trắng có đối chiếu với số lượng đã ghi trong hôn thư và chứng nhận nhà trai đã nộp, nếu còn thiếu thì trong ngày cưới ở bên nhà trai phải đưa đủ để cô dâu mang về nhà chồng. Xong, nhà trai hỏi các ngày kiêng kỵ của nhà gái và của chính cô gái để tìm chọn ngày tháng tổ chức lễ cưới chính thức. Đồng bào thường hay tổ chức lễ cưới vào thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 âm lịch, cũng không ít gia đình tổ chức vào tháng 1 và tháng 2.

Chọn được ngày tháng cưới chính thức, nhà trai lại đến báo và xin ý kiến của nhà gái, nếu được nhà gái chấp thuận thì kết thúc lễ *nải nham*. Như vậy, *nải nham* là một quá trình gồm nhiều bước và nhiều nghi lễ đòi hỏi thời gian tiến hành từ một đến hai năm. Do đó, nếu nhà trai có ý định không cho con trai đi ở rể thì từ khi chuẩn bị đi *nải nham* cũng có thể bắt đầu bước vào sắm sửa các lễ vật dẫn cưới như nuôi lợn, tìm mua bạc trắng, tập trung sản xuất lương thực.

## 2. Lễ cưới

Lễ cưới là kết quả của quá trình *nải nham* mà người Dao Tiên ở Ba Bể gọi là *hộp tiu*. Cũng có thể gọi theo đám cưới ở gia đình nhà trai hay nhà gái như *hộp tiu chip nham* (lễ cưới đón dâu), *hộp tiu xa xia* (lễ cưới cho con gái đi lấy chồng). Lễ cưới của đồng bào được tổ chức ở cả hai bên gia đình: nếu chiều tối hôm nay tổ chức ở bên nhà gái thì chiều tối hôm sau làm lễ ở bên nhà trai và mỗi bên gia đình đều có một số nghi lễ khác nhau.

Trước ngày cưới ở bên nhà gái, nhà trai cần làm lễ cúng thông báo ma gia tiên để mổ lợn, cân đong rượu mang sang nhà gái đúng theo số lượng đã ghi trong hôn thư. Nhà trai phải cử một đoàn gồm 8 hoặc 10 người gọi là *đám lòng* có nhiệm vụ đưa các lễ vật dẫn cưới sang nhà gái và phục vụ bếp núc ở đó. Ngoài ra, còn phải cử một đoàn đón dâu gồm 5 người, trong đó có 2 ông bà làm quan lang (*mùi miên tía, mùi miên má*), 2 ông bà làm thông gia (*sanh cha tía, sanh cha má*) và một cô em họ của chú rể gọi là *hiễn nhòang xia* để dẫn dắt cô dâu về nhà chồng. Những người này phải phúc hậu, nhà không có tang, nếu là đàn ông thì phải trải qua lễ cấp sắc, đặc biệt ông *mùi miên tía* phải biết cúng bái, biết yểm bùa phép và phòng trừ ma tà để đưa đón cô dâu về đến nhà trai an toàn. Người ta còn phải tìm một nhóm đầu bếp khoảng 8 đến 10 người trong đó có một bếp trưởng và 2 người tiếp đón

khách, trong đó có một người ghi chép số lượng lễ vật mừng đám cưới của từng khách, còn người kia chỉ huy sắp xếp nơi ăn ở cho khách.

Ở bên nhà gái, cũng phải tìm ra một nhóm làm bếp và một bếp trưởng để phục vụ cơm nước cho bữa cỗ đầu tiên trong hôm cưới, cử thêm 2 người tiếp khách, trong đó có một người phụ trách sổ sách ghi chép các lễ vật mừng đám cưới của từng người khách. Đặc biệt, nhà gái phải tìm bằng được 2 ông bà làm nhiệm vụ đại diện nhà gái để đón tiếp nhà trai và chỉ đạo các công việc cúng bái gia tiên, kiểm tra lễ vật dẫn cưới, làm các nghi lễ đưa dâu,...Hai ông bà này được người Dao Tiên ở Ba Bể gọi là *vuôm kên con*. Tùy thuộc vào việc cưới gả con gái cả hay thứ mà người *vuôm kên con* phải được lựa chọn đúng theo tục lệ đã định. Nếu tổ chức cưới cho con gái cả thì *vuôm kên con* phải là anh ruột của mẹ đẻ cô dâu và vợ của ông ta, anh cả không đảm nhiệm được thì phải tìm đến anh ruột thứ 2 hoặc anh thứ 3,... Trường hợp mẹ cô dâu không có anh ruột thì phải tìm anh rể của mẹ cô dâu hoặc anh họ nhưng phải chọn người phúc hậu, biết ứng xử và thành thạo các công việc được giao. Nếu cưới con gái thứ 2 thì người *vuôm kên con* là anh ruột hoặc anh rể ruột của bố đẻ ra cô dâu, cưới con gái thứ 3 thì *vuôm kên con* sẽ là anh ruột hoặc chị của mẹ đẻ cô dâu,...Cũng theo luật tục, *vuôm kên con* phải biếu mừng cho cô dâu một hòm gỗ hay va li đẹp, một bộ y phục gồm áo và váy, nếu có thì biếu thêm cả khăn, xà cạp, thắt lưng; một đôi chiếu và một đồng bạc trắng.

Theo sự chỉ đạo của ông trưởng đoàn, đoàn *đam lòng* của nhà trai phải mang thịt, rượu đến bàn giao cho nhà gái từ tối hôm trước ngày cưới bên nhà gái. Còn đoàn đón dâu của nhà trai chỉ đến nhà gái vào chiều tối hôm cưới ở đó, trước khi ra cửa nhà trai, ông *mùi miền tíu* phía khấn báo để ma gia tiên nhà trai phù hộ cho con cháu đưa đón dâu gặp mọi sự tốt lành. Ở vùng này chú rể, tiếng Dao Tiên gọi là *siang vay*, không phải đến trình diện nhà gái vào hôm trước. Đến nơi, đoàn *đam lòng* cần tập trung ở một chỗ chờ ông trưởng đoàn sang báo nhà gái và chỉ khi nhà gái cho phép mới được mang các lễ vật vào nhà. Khi uống nước, ăn trầu xong, đoàn nhà trai bàn giao các lễ vật dẫn cưới và được đại diện nhà gái, cụ thể là ông *vuôm kên con* cùng với một số anh em họ hàng tiếp nhận có đối chiếu với số lượng đã ghi trong hôn thư. Bàn giao xong đoàn *đam lòng* được nghỉ ngơi. Cùng với số lễ vật dẫn cưới bằng thịt lợn nhà trai tự mang đến 3kg thịt và 1kg lòng gan lợn để giành riêng cho mẹ cô dâu với mục đích tỏ lòng biết ơn người mẹ đã mang nặng đẻ đau cô dâu. Riêng số thịt lợn dẫn cưới, người ta lấy ra một phần rất ít để thắp hương trình ma gia tiên nhà gái, một phần nhỏ để giành biếu khách, còn lại dùng vào việc chế biến các món cỗ phục vụ khách mời của nhà gái, nếu còn thiếu thì nhà gái sẽ tự thu xếp bằng cách thịt thêm lợn của gia đình.

Thời gian chính của lễ cưới ở bên nhà gái được bắt đầu từ bữa tiệc chiêu đãi. Trong bữa cơm này đôi vợ chồng *vuôm kên con* cần ngồi cùng mâm với đoàn đón dâu của nhà trai. Trong ăn uống, người ta rất kiêng không làm vỡ bát đĩa, cốc chén và các đồ dùng khác ở trong gia đình, nếu ai sơ xuất làm vỡ thì hãy lặng lẽ tự nhặt bỏ đi. Đồng bào tin rằng gặp những trường hợp rơi vỡ cốc chén... sẽ có những điều không tốt lành xảy ra trong cuộc sống gia đình. Cơm nước xong, hai ông bà *vuôm kên con* cùng đại diện nhà gái gồm những người có uy tín trong họ ngồi nói chuyện với đoàn nhà trai và cùng nhau kiểm tra số lượng thừa thiếu của các lễ vật dẫn cưới mà nhà trai đã mang đến. Người ta đặc biệt quan tâm đến việc nhà trai đưa đủ số lượng bạc trắng bởi vì liên quan tới của hồi môn- vật quý giá nhất của cô dâu. Nếu trước đó nhà trai chưa trả đủ bạc trắng thì đợt này nhất thiết phải mang đến và ông *vuôm kên con* phải làm nhiệm vụ cân đong dưới sự chứng kiến của đại diện hai họ. Vào nửa đêm, trước lúc gà gáy, đại diện nhà gái đứng đầu là ông *vuôm kên con* phải làm lễ cúng *kẻ miên* cho cô dâu. Lễ cúng có hai cấp độ, đó là cúng *the miên*, nghĩa là cúng "cắt khẩu" để đến nhà trai thì làm lễ "nhập khẩu", còn ở cấp độ khác chỉ yêu cầu *kẻ miên*, tức là cúng thông báo cầu mong ma gia tiên phù hộ. Nếu là cúng *the miên* thì nhà trai cần mang đến nhà gái một con lợn nặng từ 10 đến 15 kg, còn trường hợp cúng *kẻ miên* chỉ yêu cầu nhà trai mang sang một con gà. Người đảm nhiệm lễ cúng là ông *vuôm kên con*, nếu ông này không biết cúng thì phải đích thân mời người khác trong họ nhà gái cúng giúp. Tiếp theo, đại diện nhà gái, nhất là mẹ cô dâu cần tâm sự với cô dâu, chủ yếu là răn dạy kinh nghiệm làm dâu, đặc biệt là cách sống và ứng xử với bố mẹ, anh em và họ hàng bên nhà chồng. Đồng bào cho rằng tình huống dặn dò này rất quan trọng, nhằm chỉ cho cô dâu biết rằng từ nay cha mẹ đã hết vai trò, bản thân cô dâu đã khôn lớn, do đó cô dâu hãy tự bước vào cuộc sống như một thành viên khác trong cộng đồng, hãy yên tâm chăm lo phục dưỡng chồng con và bố mẹ chồng, nếu có gì cha mẹ để quên chưa chỉ bảo thì cô dâu hãy tự học hỏi đừng trách cha mẹ để. Đồng thời với việc diễn ra các nghi lễ trên, đêm đó đoàn *đam lòng* của nhà trai phải chuẩn bị cơm nước và chế biến các món ăn theo thực đơn đã định sẵn để kịp cho bữa ăn sáng hôm sau.

Sáng hôm sau, trước khi cô dâu ra cửa đi về nhà chồng, mẹ đẻ cô dâu cần thu xếp đồ đạc và đưa của hồi môn cho cô dâu bao gồm các đồ trang sức bằng bạc trắng, hòm, chậu, vải vóc, chăn, chiếu, phích nước, màn,... Hầu hết các quà mừng đám cưới mà khách mời mang đến đều đưa cho cô dâu mang về nhà chồng. Người ta quan niệm rằng mâm cỗ bên nhà gái là của nhà trai, là các lễ vật dẫn cưới bằng thịt, rượu và gạo, do đó, tất cả các quà mừng của khách đến ăn cưới đều đưa cho cô dâu và trở thành tài sản riêng của đôi vợ chồng trẻ. Hơn nữa, nhiều khách mời đến ăn cưới ở bên nhà gái đều cố gắng tìm kiếm quà mừng bằng hiện vật như vải vóc, va li, áo váy, chăn chiếu và

các đồ dùng gia đình để phù hợp với tên đám cưới là *hộp tiu xá xia*, tức là lễ cưới cho con gái đi lấy chồng. Ở đây, người ta còn cho rằng cô dâu nào được nhiều đồ đạc và của hồi môn là có phúc bởi vì thể hiện được sự quan tâm của bố mẹ đến đôi bên gia đình cùng với anh em bạn bè, còn riêng phía nhà trai thì càng vinh dự là lấy được cô dâu đáng giá. Như vậy, xét về mặt thực chất ở trong quá trình *nải nham* thì rõ ràng đó là hôn nhân mua bán nhưng nếu nghiên cứu kỹ giá thành các đồ đạc và của hồi môn mà cô dâu đem về nhà chồng với các lễ vật dẫn cưới của nhà trai thì đó không phải là hôn nhân mua bán. Bởi lẽ, sau khi cưới xong tất cả các đồ dùng như bạc trắng, quà biếu mừng đám cưới ở bên nhà gái đều đưa về nhà trai và trở thành tài sản thiêng liêng của đôi vợ chồng trẻ. Tuy nhiên, có một số xã thuộc huyện Ba Bể tiếp giáp với huyện Na Hang tỉnh Tuyên Quang, bố mẹ để cô dâu lấy một nửa số lễ vật thách cưới bằng bạc trắng để chia phần cho anh em họ hàng thân thiết ở bên nhà gái, nhưng nếu tính tổng giá trị các đồ đạc, tiền giấy và của hồi môn của cô dâu so với giá trị các lễ vật thách cưới thì nhà trai vẫn được lợi hơn nhiều. Chưa kể đến việc bố mẹ cô dâu sau này phải tùy theo cơ hội như có đám cưới của người khách đến ăn cưới ở nhà mình để trả quà mừng theo hoặc hơn số lượng quà mừng mà khách đó đã đưa cho con gái mình đi làm dâu. Như vậy, đúng hơn có thể nói rằng đây là hôn nhân có tính chất chăm lo tổ ấm ban đầu cho đôi vợ chồng trẻ.

Dưới sự giám sát của ông *vuôm kên con*, khi thu xếp các thứ cho cô dâu người ta có đối chiếu với số lượng ở trong sổ sách của người ghi chép các quà mừng của khách và nhờ người đó ghi lại vào một tờ giấy toàn bộ các đồ đạc, của hồi môn theo từng loại và số lượng của từng loại đó. Lúc này, bà *vuôm kên con* cần lo tìm người thay mặt nhà gái đưa cô dâu về nhà chồng, đồng thời đưa quà mừng của hai ông bà *vuôm kên con* cho cô dâu. Đoàn đưa dâu được đồng bào gọi là *miền phúng* gồm số chẵn từ 6 đến 12 người có cả trai và gái, trong đó có hai ông bà đứng tuổi làm trưởng đoàn gọi là *miền phúng tía* và *miền phúng mả*. Trước khi cô dâu ra cửa về nhà chồng, ông *vuôm kên con* giao tờ giấy ghi chép số lượng các đồ đạc, của hồi môn của cô dâu cho ông *miền phúng tía* mang sang nhà trai, còn bà *vuôm kên con* thay mặt mẹ đẻ cô dâu đưa cho bà *miền phúng mả* các chìa khoá các hòm, va li của cô dâu. Để bước ra cửa cha mẹ đẻ về nhà chồng, cô dâu ăn mặc theo tục lệ đã qui định, cụ thể mặc áo, váy mới, đi xà cạp, đầu đội khăn mới. Trước đây khi cô dâu đi ra cửa về nhà chồng phải đội khăn đen, hai đầu khăn có dính nhiều tua màu đỏ được đồng bào gọi là khăn *pui piây*. Đáng chú ý là cô dâu phải đeo đủ bộ trang sức gồm 7 chiếc vòng cổ, 4 chiếc vòng tay, 2 chiếc hoa tai, và các chùm chuông nhạc, ngôi sao bằng bạc, các que con bằng bạc,... Tất cả các đồ trang sức này đều bằng bạc, đó là số bạc trắng thách cưới cùng với một số ít do bố mẹ đẻ biếu cho cô dâu.

Đúng giờ tốt, nhà gái cho cô dâu đi về nhà chồng. Người ra cửa đầu tiên là *mùi miền mả*, sau đó cô em gái chú rể dắt tay cô dâu bước ra cửa rồi đến *sanh cha mả* và *sanh cha tía*, theo sau là đoàn *miền phúng* có trách nhiệm gánh vác các đồ đạc và của hồi môn của cô dâu. Trong đoàn đi với cô dâu về nhà chồng, người cuối cùng ra cửa là ông *mùi miền tía* nhưng vừa ra khỏi nhà ông ta phải làm phép yểm bùa (*trjòng xin*) cho cô dâu và mọi người để trên đường đi về nhà trai không gặp ma, không gặp tai nạn và các điều không may mắn khác. Trên đường đi, nếu gặp máng nước cao cô dâu không thể bước qua được thì ông *mùi miền tía* phải đi trước tháo máng nước cho đoàn đi qua sau đó lấp lại máng nước như cũ. Nếu gặp sông suối hoặc qua cầu thì *mùi miền tía* đi qua trước nhưng khi đi qua xong ông ta phải đợi, sau khi đoàn đi qua hết thì ông ta phải khẩn báo và để lại một đồng tiền xu hoặc loại tiền khác đúc bằng kim loại để cầu xin ma sông ma suối không bắt hồn cô dâu. Gặp cô dâu khác cũng đi về nhà chồng thì hai cô dâu cần đổi cho nhau khăn mặt, giày dép hoặc vật kỷ niệm khác để cả hai người đi làm dâu cùng may mắn.

Đến nhà trai ông *mùi miền tía* vào cửa trước sau đó cô em gái chú rể lấy ngón tay trỏ của cô dâu và kéo cô ta theo sau bà *mùi miền mả* đi thẳng vào trong buồng, tiếp theo là hai ông bà *sanh cha* cùng đoàn *miền phúng*. Trong đoàn *miền phúng* ai là phụ nữ thì ở trong buồng cùng với cô dâu, còn ai là nam giới thì chỉ cần mang vác đồ đạc của cô dâu vào đến buồng bàn giao cho bà *mùi miền mả* là có thể ra ngoài nhà chính uống rượu, hút thuốc. Tiếp theo, ông *mùi miền tía* phải cúng giải hạn cho cô dâu, đặc biệt là cúng cầu xin *co chông miên* (ông Ngọc Hoàng ở trên trời) loại bỏ tất cả những điều xấu mà cô dâu gặp phải khi trên đường đi về nhà chồng. Trong lễ cúng này cô dâu vẫn ở trong buồng cùng với bạn bè và đoàn *miền phúng* là nữ giới. Đối với đoàn *miền phúng* là nam giới, nhà trai phải thu xếp một chỗ để cho họ nghỉ ngơi và nghỉ qua đêm.

Chiều tối hôm cô dâu đến là bữa tiệc chính tại nhà trai. Những người khách mời đến được ăn uống và tự do hát hò mừng đám cưới. Tùy theo sở thích và từng lứa tuổi, người ta tổ chức nhiều hình thức vui chơi như hát đối, chơi trò uống rượu, trò ảo thuật,... bên nào thua thì phạt uống rượu. Người ta ăn uống và vui chơi thoải mái, không phải nói chuyện thông gia và cũng không phải lo lắng về việc chuẩn bị, thu xếp đồ đạc, hồi môn của cô dâu như trong đám cưới ở bên nhà gái. Về đêm trước khi gà gáy, ông *mùi miền tía* phải cúng thông báo và yêu cầu ma gia tiên nhà trai tiếp nhận và phù hộ cho cô dâu, nếu cô dâu đã làm lễ "cất khẩu" (*the miên*) tại nhà bố mẹ đẻ thì lễ cúng này phải làm nhiệm vụ "nhập khẩu" (*pià miên*). Khi thực hiện các nghi lễ cúng đôi vợ chồng trẻ không phải đứng trước bàn thờ, cô dâu cũng không có tục quì lạy bố mẹ và anh em họ hàng nhà trai.

Sáng hôm sau, trong bữa tiệc cuối cùng, cô dâu ra mắt mọi người bằng cách phục vụ cơm nước, đưa tắm. Sau khi cơm nước xong, đoàn nhà gái đứng đầu là *miền phúng tía* và *miền phúng mã* bàn giao tất cả các đồ đạc, của hồi môn của cô dâu cho đôi vợ chồng trẻ dưới sự chứng kiến của của đại diện nhà trai. Trong lễ bàn giao này, phía nhà trai có bố mẹ đẻ chú rể, chú rể, hai ông bà *sinh cha* và nhiều người khác có uy tín trong họ hàng nhà trai. Nhóm *miền phúng*, theo sự chỉ đạo của *miền phúng mã* khiêng vác toàn bộ đồ đạc, hồi môn của cô dâu từ trong buồng ra bày ở giữa gian nhà chính, những người chứng kiến thì ngồi hoặc đứng ở xung quanh. Khi chuẩn bị xong, ông *miền phúng tía* đọc từng thứ đã ghi trong tờ giấy mà ông đại diện nhà gái đã đưa cho cô dâu trước lúc cô dâu ra cửa, còn bà *miền phúng mã* thì dùng tay chỉ, đến giao từng thứ theo đúng số lượng đã ghi trong giấy, những thứ nào ở trong hòm thì bà ta mở hòm lôi ra để cho mọi người nhìn thấy. Xong, ông *miền phúng tía* giao tờ giấy cho bố đẻ chú rể, bà *miền phúng mã* giao tất cả chìa khoá các hòm và va li cho mẹ đẻ chú rể, sau đó mẹ đẻ chú rể giao lại toàn bộ cho cô dâu chú rể và nhờ mọi người chuyển hộ các thứ vào trong buồng của cô dâu chú rể. Sau đó đại diện nhà trai đưa tiền cảm ơn số *miền phúng*, mỗi người được khoảng 6.000đ chẵn. Hết lễ bàn giao đồ đạc, hồi môn của cô dâu thì cũng kết thúc lễ cưới, mọi người chia tay ra về.

Được một tháng sau đôi vợ chồng trẻ mới trở về nhà bố mẹ đẻ làm lễ lại mặt. Họ mang theo 2 con gà, vài lít rượu, ít bánh giày hoặc bánh rán để bày mâm khấn báo ma gia tiên nhà bố mẹ đẻ cô dâu. Trong bữa cơm thân mật có mặt đầy đủ đại diện anh em họ hàng cô dâu.

### 3. Một vài nhận xét:

Cưới xin của người Dao Tiên ở huyện Ba Bể không hẳn là kết quả của tình yêu trai gái mà chủ yếu do sắp đặt của bố mẹ thông qua nhiều nghi lễ phức tạp. Song, cũng có tình huống tạo điều kiện cho đôi trai gái có dịp gặp nhau để đáp ứng nhiều vấn đề mà mỗi bên cần quan tâm, rồi từ đó các bên tự quyết định có lấy nhau hay không. Đó là tục *chầu công*, một tục lệ thể hiện sự lựa chọn của đôi trai gái để sau này họ khó có thể oán trách về sự sắp đặt của cha mẹ.

Việc cưới xin của đồng bào còn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tín ngưỡng như xem tử vi, xem chân gà, kiêng kỵ... Những yếu tố này nhiều khi đóng vai trò rất quan trọng, không chỉ quyết định đến việc thành hôn của đôi trai gái mà còn ảnh hưởng đến việc quan hệ vợ chồng sau này.

Tục cưới xin của người Dao Tiên ở Ba Bể rất phức tạp đòi hỏi không ít về thời gian và công sức, chưa kể đến việc chuẩn bị các lễ vật dẫn cưới. Nếu chỉ xem xét trong giai đoạn *nải nham* thì có thể khẳng định rằng cưới xin của đồng bào được dựa trên cơ sở hôn nhân mua bán bởi vì nhà gái yêu cầu

nhà trai đưa các lễ vật như bạc trắng, đồ trang sức, rượu, thịt lợn... Song, nếu nghiên cứu kỹ các đồ cưới, của hồi môn của cô dâu trong lễ bàn giao từ nhà gái sang nhà trai thì đó là cách hoàn trả các khoản thách cưới cho nhà trai thông qua lễ cưới.

Cưới xin của đồng bào tụy phức tạp liên quan đến nhiều yếu tố nhưng đó là cơ sở luật tục để gắn kết và đảm bảo sự ổn định lâu dài trong quan hệ của đôi vợ chồng trẻ. Theo tục lệ, sau khi cưới xong, các đồ cưới, của hồi môn thuộc về đôi vợ chồng trẻ nhưng quyền sở hữu tối cao vẫn thuộc về cô dâu. Khi đôi vợ chồng trẻ chưa có con trai và con trai chưa đến tuổi lấy vợ thì số bạc trắng thách cưới trước đây vẫn thuộc của riêng cô dâu. Do đó, nếu con trai bỏ vợ thì sẽ mất khoản thách cưới bằng bạc và các đồ đạc khác có giá trị, đồng thời còn bị coi là bất hiếu với bố mẹ, không tôn trọng những công lao vất vả của cha mẹ trong việc thực hiện các nghi lễ cưới xin, đặc biệt là việc sắm sửa các lễ vật dẫn cưới. Mặt khác, chỉ trừ một số trường hợp như chồng phụ bạc vợ, nghiện hút, cờ bạc, ngoài ra, nếu cô dâu bỏ chồng sẽ phải trả lại cho nhà chồng tất cả các khoản thách cưới kể cả những đồng bạc trắng đã đặt cọc trong lễ *tình công chìn*. Vì thế, đôi vợ chồng trẻ trước đó chưa bao giờ yêu nhau, thậm chí chưa quen biết nhau nhưng khi đã cưới xong đều cố gắng tạo ra mối quan hệ gắn bó, không chỉ về tình cảm mà cả về trách nhiệm chăm sóc bố mẹ và con cái.